

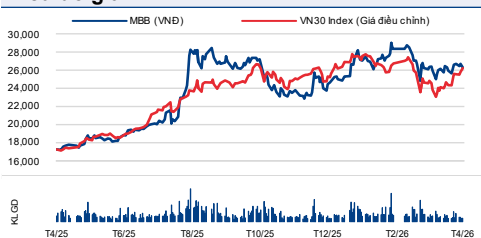
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ31,800
Tiềm năng tăng/giảm: 20.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/4/2026)	26,450
Mã Bloomberg	MBB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,226-29,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,500
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	213,055
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,090
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,055
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,933
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.10
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	24.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.0%
Tỷ lệ freefloat	51.3%
Cổ đông lớn	Viettel (19.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	1,616	2,133	2,658
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,086	1,462	1,907
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	67.7	86.0	106
Lợi nhuận thuần (ntđ)	26.8	32.9	41.3
BVPS (đồng)	16,901	20,681	25,429
EPS (đồng)	3,325	4,087	5,133
DPS (đồng)	227	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	39.7	34.5	30.5
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	22.2	27.0	23.5
Tăng trưởng EPS (%)	17.3	22.9	25.6
Tăng trưởng DPS (%)	(31.4)	(100)	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	6.84	0	0
ROAE (%)	21.6	21.7	22.3
ROAA (%)	1.95	1.76	1.73
Tỷ lệ NIM (%)	3.87	3.76	3.61
Tỷ lệ CIR (%)	29.1	28.1	28.4
Hệ số CAR (%)	10.2	9.28	8.71
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.29	1.33	1.30
LLR/nợ xấu (%)	93.9	94.2	95.9
Hệ số LDR (%)	118	120	114
P/B (lần)	1.57	1.28	1.04
P/E (lần)	7.96	6.47	5.15
Lợi suất cổ tức (%)	0.86	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MBB là một ngân hàng có nguồn gốc từ quân đội và hiện sở hữu quy mô tài sản và tín dụng lớn nhất trong nhóm NH tư nhân. MBB hướng đến phát triển mô hình ngân hàng đa năng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

ĐHCĐ: Mục tiêu tăng trưởng tham vọng giữ nguyên bất chấp Q1 vừa phải

- LNTT Q1/2026 đạt 9,5 nghìn tỷ đồng (tăng 13%), hoàn thành 22,6% dự báo cả năm của chúng tôi, trong đó tín dụng tăng trưởng thấp do những hạn chế về thanh khoản. Kế hoạch năm 2026 vẫn rất tham vọng với tín dụng tăng trưởng 30-35% và lợi nhuận tăng trưởng 15-20%.
- MBB đang mở rộng sang phân khúc FDI, củng cố các công ty con (đóng góp 20-30% lợi nhuận) và tham gia vào lĩnh vực tài sản số thông qua hợp tác.
- Mặc dù kế hoạch tỷ lệ nợ xấu dưới 1% của Ngân hàng mẹ, chúng tôi nhận thấy rủi ro chất lượng tài sản đang gia tăng trong bối cảnh thanh khoản thắt chặt.
- HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: ĐHCĐ năm 2026 tổ chức ngày 18/4/2026

MBB đã tổ chức ĐHCĐ năm 2026 vào ngày 18/4/2026 và đã thông qua tất cả các tờ trình. Những thông tin chính từ ĐHCĐ và chia sẻ của BLĐ như sau.

Kế hoạch năm 2026 & KQKD sơ bộ Q1/2026

MBB đặt kế hoạch tăng trưởng tín dụng đầy tham vọng ở mức 30% theo kịch bản cơ sở năm nay, với tiềm năng tăng lên 35% nếu điều kiện thị trường cải thiện. Lợi nhuận thuần đặt kế hoạch tăng trưởng 15%-20%. BLĐ cũng lưu ý rằng khi Ngân hàng mở rộng quy mô, tỷ suất lợi nhuận có thể thu hẹp trong bối cảnh cạnh tranh lãi suất ngày càng gay gắt.

KQKD sơ bộ Q1/2026:

- Tín dụng tăng trưởng 3,3% kể từ đầu năm; tiền gửi tăng 0,7% kể từ đầu năm.
- Khoản vay chuyển nhượng cho MBV: 2% danh mục cho vay.
- LNTT: 9,5 nghìn tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ, hoàn thành 24% kế hoạch năm 2026.

BLĐ nhấn mạnh tình trạng căng thẳng thanh khoản trên toàn hệ thống và lưu ý rằng MBB hoạt động tốt hơn bình quân ngành. Tỷ lệ LDR theo quy định của MBB ở mức 79%, thấp hơn mức trần 85%. Tỷ lệ NIM thu hẹp do chi phí huy động tăng nhanh hơn lợi suất cho vay.

Nhận định của HSC về KQKD sơ bộ Q1/2026: Lợi nhuận Q1/2026 hoàn thành 22,6% dự báo cả năm của chúng tôi, thấp hơn một chút so với dự báo Q1 do tăng trưởng tín dụng thấp hơn giả định trong bối cảnh thanh khoản thắt chặt (chúng tôi đã kỳ vọng MBB sẽ giành thị phần mạnh mẽ hơn do hạn mức tăng trưởng của các NHTM khác bị hạn chế trong Q1/2026). Các yếu tố tiềm ẩn khác có thể khiến KQKD không đạt dự báo bao gồm: Tỷ lệ NIM thấp hơn dự báo (mặc dù kịch bản cơ sở của chúng tôi đã giả định tỷ lệ NIM thu hẹp), lãi hoạt động tự doanh sụt giảm hoặc chi phí tín dụng cao hơn dự báo.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 19/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2026 & KQKD sơ bộ Q1, MBB

KQKD sơ bộ Q1/2026 phù hợp với kế hoạch của Ngân hàng nhưng thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi

	Kế hoạch 2026	Dự báo của HSC	KQKD sơ bộ Q1/2026	% hoàn thành kế hoạch
Tăng trưởng tín dụng	30-35%	35.0%	3.3%	10.0%
Tăng trưởng LNTT	15-20%	22.5%	13.0%	24.0%

Nguồn: MBB, HSC

Kế hoạch phát triển kinh doanh

Mở rộng phân khúc FDI: MBB đang tích cực mở rộng sang phân khúc FDI, bao gồm thành lập một khối kinh doanh chuyên biệt và tăng cường hiện diện quốc tế. Phân khúc này dự kiến sẽ trở thành một trong những trụ cột cốt lõi của Ngân hàng trong tương lai. Chúng tôi lưu ý rằng MBB hiện đang đứng thứ 4 trong phân khúc này, sau VCB, CTG và BID.

Phát triển công ty con: BLĐ nhấn mạnh rằng MBB sở hữu một trong những hệ sinh thái tài chính hoàn chỉnh nhất trong ngành. Tỷ lệ đóng góp lợi nhuận hiện tại từ các công ty con ở mức khoảng 9% và BLĐ đặt kế hoạch nâng tỷ lệ này lên 20%-30%, với kế hoạch đầu tư đáng kể vào các công ty con này trong tương lai. Ngân hàng cũng lên kế hoạch thành lập MB Lào bằng cách chuyển đổi chi nhánh tại Lào thành một thực thể pháp lý riêng biệt.

Đối với MCredit, Ngân hàng hiện đang tập trung cải thiện hiệu quả hoạt động, chưa có quyết định rõ ràng về khả năng thoái vốn, tiến hành IPO hay duy trì cấu trúc hiện tại. Tuy nhiên, BLĐ lưu ý rằng IPO vẫn là một lựa chọn tiềm năng trong tương lai.

Tài sản số: Thay vì trực tiếp vận hành sàn giao dịch tài sản số, MB dự định hợp tác với các nền tảng bên ngoài trong khi tập trung vào các thế mạnh cốt lõi trong lĩnh vực thanh toán, tiếp nhận khách hàng và tuân thủ quy định. Điều này cho thấy sự ưu tiên tham gia vào chuỗi giá trị mà không phải gánh chịu các rủi ro về quy định hoặc vận hành liên quan đến quyền sở hữu.

Đối với AI: Số hóa từ lâu đã là trọng tâm chính tại MBB. Ngân hàng có đang tiếp cận thận trọng đối với ứng dụng AI thay vì theo đuổi các sáng kiến mang tính "đánh bóng tên tuổi", với kỳ vọng công nghệ sẽ giúp giảm từ 1-1,5 điểm phần trăm hệ số CIR.

Rủi ro chất lượng tài sản

Đối với lo ngại của NĐT về rủi ro tín dụng tăng trưởng nhanh chóng làm suy yếu chất lượng tài sản, BLĐ lưu ý rằng chi phí tín dụng so với doanh thu vẫn được kiểm soát và thấp hơn bình quân ngành. Ngân hàng cũng đặt kế hoạch giảm tỷ lệ nợ xấu Ngân hàng mẹ xuống dưới 1% trong năm nay. Đối với lĩnh vực BĐS, tỷ lệ nợ xấu hiện đang thấp hơn bình quân tổng thể của MBB.

Quan điểm của chúng tôi: MBB là một ngân hàng tăng trưởng mạnh và chấp nhận rủi ro; do đó, trong môi trường thắt chặt (ví dụ: lãi suất tăng hoặc tăng trưởng tín dụng hạn chế), áp lực lên chất lượng tài sản có khả năng sẽ gia tăng.

Chính sách cổ tức và kế hoạch tăng vốn

Các tờ trình của MBB bao gồm:

- Cổ tức tiền mặt 1.000đ/cp và cổ tức cổ phiếu 15%.
- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu giá 10.000đ/cp, tăng vốn tương đương tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức tiền mặt (khoảng 8 nghìn tỷ đồng).
- Nâng số lượng cổ phiếu phát hành riêng lẻ từ 62 triệu cổ phiếu (0,7% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) lên 200 triệu cổ phiếu (2,5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành).

Đối với chính sách cổ tức và huy động tương đối phức tạp, BLĐ cho biết cơ chế này nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhóm NĐT đa dạng đồng thời vẫn duy trì hệ số CAR trên 9%. Hệ số CAR hiện đang ở mức trên 11%.

Phát hành riêng lẻ: Ngân hàng đang hướng đến NĐT trong nước có thể giúp mở rộng hệ sinh thái của MBB, tận dụng cơ sở khách hàng và tăng cường cơ hội bán chéo sản phẩm. Tỷ lệ trần sở hữu nước ngoài sẽ được duy trì ở mức hiện tại để chờ đợi một NĐT chiến lược phù hợp.

Chúng tôi lưu ý rằng tỷ lệ sở hữu hiện tại của Viettel tại MBB ở mức gần 15% và khoảng 20% nếu bao gồm cả các bên liên quan, vượt mức trần theo quy định mới nhất. Do đó, tỷ lệ sở hữu này nhiều khả năng sẽ được duy trì hoặc

giảm dần thay vì tăng thêm, cho thấy đợt phát hành riêng lẻ sắp tới sẽ hướng đến NĐT trong nước khác ngoài Viettel.

HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu sau khi KQKD Q1 chính thức được công bố.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	69.1	89.1	133	163	200
Chi phí lãi	(27.9)	(37.5)	(64.5)	(78.2)	(95.0)
Thu nhập lãi thuần	41.2	51.6	68.7	84.6	105
Lãi thuần HĐ dịch vụ	4.37	6.58	7.78	9.56	11.5
Lãi thuần HĐ KDNH	2.00	1.76	2.72	3.76	4.88
Lãi/lỗ từ mua bán CK	4.56	2.26	0.59	1.76	2.31
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.05	0.17	0.17	0.17	0.17
Thu nhập khác	3.28	5.31	6.07	6.37	7.93
Tổng thu nhập HĐ	55.4	67.7	86.0	106	131
Chi phí HĐ	(17.0)	(19.7)	(24.2)	(30.1)	(37.2)
LN trước dự phòng	38.4	48.0	61.8	76.1	94.3
Chi phí dự phòng	(9.58)	(13.7)	(19.8)	(23.5)	(29.9)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	28.8	34.3	42.0	52.6	64.5
Chi phí thuế TNDN	(5.88)	(6.89)	(8.40)	(10.5)	(12.9)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.32)	(0.60)	(0.66)	(0.73)	(0.80)
Lợi nhuận thuần	22.6	26.8	32.9	41.3	50.8
EPS (đồng)	2,834	3,325	4,087	5,133	6,302
DPS (đồng)	331	227	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	7,985	8,055	8,055	8,055	8,055
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	8,055	8,055	8,055	8,055	8,055
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	8,055	8,055	8,055	8,055	8,055

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.35	4.97	7.42	9.85	12.2
Tiền gửi tại NHNN	29.8	68.5	29.7	39.4	48.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	76.8	183	277	221	268
Chứng khoán kinh doanh	7.93	4.65	3.13	4.37	5.36
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	766	1,073	1,443	1,883	2,265
Tổng dư nợ cho vay	778	1,086	1,462	1,907	2,293
Dự phòng rủi ro	(11.7)	(13.2)	(18.3)	(23.8)	(27.8)
Chứng khoán đầu tư	210	226	310	432	530
CK đầu tư sẵn sàng để bán	206	222	307	429	525
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.61	4.30	3.13	4.37	5.36
Dự phòng rủi ro	(0.48)	(0.23)	(0.42)	(0.54)	(0.59)
Đầu tư dài hạn	0.61	0.47	0.47	0.47	0.47
Tài sản cố định	5.66	5.84	6.04	6.54	7.04
Tài sản khác	29.0	49.5	56.0	60.9	73.7
Tổng tài sản	1,129	1,616	2,133	2,658	3,210
Nợ phải trả	1,012	1,474	1,960	2,447	2,953
Tiền gửi của NHNN	8.16	47.5	59.4	0	0
Tiền gửi của các TCTD khác	110	248	327	386	417
Tổng tiền gửi KH	714	921	1,218	1,674	2,073
Trái phiếu và CCTG	129	187	267	295	366
Nợ khác	50.1	68.9	88.6	90.8	96.6
Vốn chủ sở hữu	112	136	167	205	252
Vốn điều lệ	53.1	80.5	96.7	116	139
Thặng dư vốn cổ phần	1.30	1.30	1.30	1.30	1.30
Lợi nhuận giữ lại	40.7	32.6	42.8	56.7	74.1
Quỹ & vốn khác của CSH	17.1	21.7	25.8	30.8	37.2
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.91	5.89	5.89	5.89	5.89
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	1,129	1,616	2,133	2,658	3,210
BVPS (đồng)	13,923	16,901	20,681	25,429	31,258

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	19.5	43.1	32.0	24.6	20.8
Tăng trưởng cho vay KH (%)	26.9	39.7	34.5	30.5	20.2
Tăng trưởng huy động KH (%)	25.8	29.0	32.2	37.5	23.8
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	21.5	31.5	33.9	32.7	23.8
Tăng trưởng VCSH (%)	20.9	21.4	22.4	23.0	22.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	6.38	25.4	33.0	23.2	23.7
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	14.0	15.7	22.8	24.7	23.3
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	18.6	25.0	28.8	23.1	24.0
Tăng trưởng LNTT (%)	9.59	18.9	22.5	25.3	22.6
Tăng trưởng LN thuần (%)	9.46	18.3	22.9	25.6	22.8

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.34	4.93	4.59	4.43	4.48
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.64)	(1.43)	(1.29)	(1.26)	(1.27)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	97.4	97.3	97.4	97.8	98.0
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.97	3.59	3.97	4.54	5.40
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	71.0	81.6	99.8	122	145

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	9.33	7.96	6.47	5.15	4.20
P/B (lần)	1.90	1.57	1.28	1.04	0.85
Lợi suất cổ tức (%)	1.25	0.86	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	40.8	39.6	38.3	38.9	38.6
ROAA (%)	2.18	1.95	1.76	1.73	1.73
ROAE (%)	22.1	21.6	21.7	22.3	22.2
Chi phí huy động BQ (%)	3.18	3.17	3.94	3.70	3.64
Lợi suất góp BQ (%)	6.84	6.67	7.30	6.95	6.95
Lợi suất thuần (%)	3.66	3.50	3.36	3.25	3.30
Tỷ lệ NIM (%)	4.07	3.87	3.76	3.61	3.64
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	7.88	9.72	9.04	9.00	8.76
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	74.3	76.2	79.8	79.6	79.6
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	17.9	14.0	11.1	11.4	11.6
Tỷ lệ CIR (%)	30.7	29.1	28.1	28.4	28.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.7	6.84	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.8	10.2	9.28	8.71	8.76
VCSH/Tổng TS (%)	9.94	8.43	7.81	7.71	7.84
Đòn bẩy vốn (lần)	10.1	11.9	12.8	13.0	12.8

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.62	1.29	1.33	1.30	1.20
Hệ số LLR (%)	92.9	93.9	94.2	95.9	101

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	109	118	120	114	111
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	11.6	18.3	18.0	16.4	14.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	68.9	67.2	68.5	71.7	71.4

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	319	328	330	340	350
Số lượng nhân viên	18,639	18,836	21,661	23,394	24,330

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn